

KẾ HOẠCH

Đào tạo, cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2017-2020

Thực hiện Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề y, dược giai đoạn 2017-2020, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2017-2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho cán bộ y tế thường xuyên được cập nhật các kiến thức, nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu theo vị trí việc làm.

2. Yêu cầu

- Các nội dung đào tạo, cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh phải đáp ứng được yêu cầu về nhu cầu theo vị trí việc làm thực tế của từng cơ sở và toàn ngành y tế trong giai đoạn hiện nay.

- Nhân viên y tế sau khi được đào tạo có trình độ chuyên môn, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, đúng với yêu cầu theo vị trí việc làm.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực hành, đủ điều kiện để cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, góp phần nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân trong tỉnh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến năm 2020 đạt được các mục tiêu sau:

- 100% các lĩnh vực về nhu cầu đề nghị đào tạo của các cơ sở trong toàn tỉnh được thực hiện.

- 100% cán bộ chuyên môn y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh trong toàn tỉnh được cấp chứng chỉ hành nghề hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh khi đủ điều kiện theo quy định.

- 100% các đối tượng được đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2017 đến 2020 được cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề theo đúng vị trí việc làm.

2. Nội dung

2.1. Đối tượng đào tạo

Cán bộ, nhân viên y tế hiện đang làm việc tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thuộc Sở Y tế Thanh Hóa chưa đủ điều kiện để cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nhưng phạm vi hoạt động chuyên môn chưa phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm.

2.2. Đơn vị đào tạo: Các trường, viện, Bệnh viện trung ương đào tạo và các cơ sở Y tế trong tỉnh đã được Bộ Y tế cấp mã đào tạo:

- Trường đại học Y Hà Nội;
- Bệnh viện Việt Đức;
- Bệnh viện Bạch Mai;
- Bệnh viện Da liễu Trung ương.
(có phụ lục 02 kèm theo).
- Bệnh viện đa khoa tỉnh MS C 19.01;
- Bệnh viện Phụ sản C 19.02;
- Bệnh viện Nhi C 19.03;
- Bệnh viện Phổi C 19.04;
- Bệnh viện Mắt C 19.05;
- Bệnh viện Da liễu C 19.06;
- Bệnh viện Nội tiết C 19.07;
- Bệnh viện Tâm thần C 19.08;
- Bệnh viện Y, dược cổ truyền C 19.09;
- Trung tâm phòng chống HIV/AIDS C 19.010;
- Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản KHHGD C 19.11

2.3. Hình thức đào tạo

- Đào tạo liên tục cấp chứng chỉ tại tỉnh Thanh Hóa.

- Đào tạo định hướng chuyên khoa tại Trường Đại học, các Viện, các Bệnh viện Trung ương .

2.4. Chương trình đào tạo, nội dung đào tạo

- Đào tạo định hướng chuyên khoa theo Quy định của Bộ Y tế.

- Đào tạo trong tỉnh:

Thực hiện theo Quyết định của Cục trưởng Cục khoa học công nghệ và đào tạo Bộ Y tế về việc cấp mã số cơ sở đào tạo liên tục cho các đơn vị tham gia công tác đào tạo cán bộ y tế trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa số 492/QĐ-BYT ngày 17/02/2012 và số 140/QĐ-K2ĐT ngày 28/8/2014.

(Các lớp đào tạo, nội dung đào tạo, thời gian đào tạo, đơn vị đào tạo chi tiết tại Phụ lục số 02).

2.5. Thời gian đào tạo

- Theo quy định của Bộ Y tế đối với từng loại chứng chỉ, giấy phép.

- Kế hoạch hằng năm (chi tiết tại Phụ lục số 02).

3. Tổ chức cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chứng chỉ hành nghề

3.1. Đối tượng cấp chứng chỉ hành nghề

Các đối tượng đã hoàn thành chương trình đào tạo bắt buộc, có xác nhận của cơ sở đào tạo; có vị trí việc làm phù hợp với chương trình đào tạo chuyên môn, chuyên ngành, chuyên khoa và có thời gian thực hành khám bệnh, chữa bệnh trong lĩnh vực được đề nghị cấp đúng theo quy định.

3.2. Hồ sơ, thủ tục và tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề

Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 4,5,6,7,8,9 và 10 của Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; các nội dung chưa quy định tại Nghị định số 109/2016/NĐ-CP thì áp dụng và thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và Thông tư số 41/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 41/2011/TT-BYT ngày 14/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

4. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách Nhà nước hỗ trợ cho các đối tượng đào tạo định hướng chuyên khoa sâu tại các Trường Đại học, các Viện, các Bệnh viện Trung ương (trong đó ưu tiên hỗ trợ chi phí đào tạo cho các đối tượng thuộc bệnh viện hạng I).

- Đối với các đối tượng đào tạo tại các bệnh viện tuyến tỉnh: các đơn vị có đối tượng được cử đi đào tạo sử dụng từ nguồn thu giá dịch vụ y tế, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hàng năm để hỗ trợ chi phí đào tạo.

- Hằng năm, Sở Y tế tổng hợp nhu cầu đào tạo của các cơ sở khám chữa bệnh, gửi Sở Tài chính thẩm định; trình Chủ tịch UBND tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

1.1. Tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng và tổng hợp nhu cầu đào tạo, cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2017-2020 của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong toàn ngành và xây dựng Kế hoạch, gửi Sở Tài chính thẩm định; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

1.2. Chỉ đạo các cơ sở trực thuộc Sở Y tế đã được Bộ Y tế cấp mã số đào tạo, rà soát, kiểm tra, đánh giá lại chất lượng đội ngũ giảng viên, nội dung chương trình đào tạo và cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí sắp xếp số lượng giảng viên tham gia đào tạo, cơ sở điều kiện cho học sinh thực hành, đảm bảo cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ y tế đạt chất lượng, theo đúng nội dung chương trình Kế hoạch.

1.3. Phối hợp với các cơ sở đào tạo khác tổ chức đào tạo cho các đối tượng thuộc các chuyên khoa mà các cơ sở trong tỉnh chưa đào tạo được.

1.4. Chỉ đạo các đơn vị bố trí sắp xếp, tạo điều kiện tốt nhất cho các cán bộ được tham gia học tập đầy đủ, đúng theo nhu cầu, đúng đối tượng, khi kết thúc các khóa học bố trí cán bộ của đơn vị hướng dẫn thực hành, làm thủ tục hồ sơ nộp về Sở Y tế đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đúng theo quy định, bố trí sắp xếp vị trí việc làm đúng theo chuyên ngành, chuyên khoa đã được tạo tạo và phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cấp.

1.5. Tiếp nhận Hồ sơ và tổ chức cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng đã được đào tạo và đủ các điều kiện theo quy định.

1.6. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện Kế hoạch theo định kỳ hàng năm và giai đoạn 2017-2020.

1.7. Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện.

2. Sở Tài Chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí nguồn kinh phí hỗ trợ cho việc đào tạo; hằng năm thẩm định dự toán kinh phí do Sở Y tế xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí, đảm bảo sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

3. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp đúng theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên ngành y tế khi đến làm thủ tục.

4. Bảo hiểm xã hội tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế rà soát văn bằng, chứng chỉ chuyên môn được đào tạo, phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề được cấp với vị trí việc làm mà cán bộ chuyên môn y tế đang đảm nhận, đảm bảo quá trình thực hiện thanh toán khám, chữa bệnh BHYT theo quy định của pháp luật.

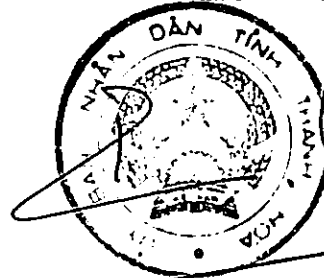
Trên đây là Kế hoạch đào tạo cán bộ y tế để cấp và cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh của giai đoạn 2017-2020, yêu cầu các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn vướng mắc, các đơn vị có văn bản gửi Sở Y tế tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT Phạm Đăng Quyền (để b/c);
- Các sở: Y tế, Tài chính, Tư pháp (để th/hiện);
- BHXH tỉnh (để ph/hợp);
- Lưu: VT, VXsln.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Phạm Đăng Quyền

TỔNG HỢP NHU CẦU ĐÀO TẠO CẤP CCHN TOÀN QUỐC TỈNH GIAI ĐOẠN 2017-2020

Số TT	Lĩnh vực cần đào tạo	Năm				Tổng
		2017	2018	2019	2020	
1	Chuyên khoa xét nghiệm	7	7	3	3	34
2	Phẫu thuật Nội nội	12	14	3	1	30
3	Nội soi tiêu hóa	6	4	1	1	12
4	Điện Não-Lưu huyết não	12	6	2	0	20
5	Phục hồi chức năng-VLTL	18	10	5	1	34
6	Điện tim	9	8	3	2	22
7	SA tổng quát-SA tim	4	2	1	0	7
8	Nội soi Tai mũi họng	3	3	0	0	6
9	Chuyên khoa Nội tiết, ĐĐT	4	1	1	1	7
10	CK chạy thận nhân tạo	3	4	2	1	10
11	Chụp và đọc kết quả MRI	1	1	0	0	2
12	Chụp và đọc KQ CLVT	2	1	2	1	6
13	Soi cổ tử cung	1	7	1	0	9
14	Chuyên khoa XQ	2	1	0	0	3
15	Phẫu thuật mô Phaco	1	1	0	0	2
16	Phẫu thuật Sản phụ khoa	3	3	0	0	6
17	Phẫu thuật Sọ não	2	1	0	0	3
18	Thăm dò chức năng hô hấp	1	0	0	0	1
19	Tán sỏi ngoài cơ thể	1	0	0	0	1
20	Chuyên khoa Chân đoán hình ảnh	15	12	2	3	32
21	Chuyên khoa Gây mê hồi sức	5	5	1	3	14
22	Chuyên khoa Mắt	8	3	4	0	15
23	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	5	0	1	0	6
24	Chuyên khoa Tai mũi họng	6	2	2	2	12
25	Chuyên khoa Răng hàm mặt	4	3	1	0	8
26	Chuyên khoa YHCT	3	0	0	0	3
27	Chuyên khoa Sản	7	4	1	0	12
28	Chuyên khoa Da liễu	2	2	1	0	5
29	Chuyên khoa Ngoại CT chỉnh hình	6	4	2	0	12
30	Chuyên khoa Tâm thần	2	2	0	0	4
31	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	2	2	4	0	8
32	Chuyên khoa Nhi	3	2	2	1	8
33	CK tiết chế dinh dưỡng	4	1	0	0	5
34	Sử dụng máy thở	1	0	0	0	1
35	Đo điện cơ	1	0	0	0	1
36	Can thiệp mạch	2	1	0	0	3

37	Phẫu thuật NS D chằng khớp gối			0	0	3
38	Điều trị tiêu sợi huyết			0	0	2
39	Chuyên khoa truyền nhiễm			1	2	7
40	Siêu âm A-B mắt			0	0	1
41	Sản phụ khoa Kế hoạch hóa GD			0	0	1
42	GPB Chuyên ngành Da liễu	2	0	0	0	2
43	Lăn kim điều trị TB gốc	1	1	0	0	2
44	Chụp phân tích da	2	2	2	2	8
45	Phẫu thuật Mout	0	0	1	0	1
46	Kỹ thuật tiêm nội khớp	1	0	0	0	1
47	Phẫu thuật Nội soi Robot	2	2	0	0	4
48	TB gốc Chuyên ngành Ung thư	2	2	0	0	4
49	TB gốc Chuyên ngành Huyết học	2	2	0	0	4
50	Kỹ thuật viên xét nghiệm	11	9	7	1	28
51	Kỹ thuật viên bó bột	1	2	0	0	3
52	ĐD viên chạy thận nhân tạo	8	6	3	0	17
53	Kỹ thuật viên PHCN	23	16	9	9	57
54	ĐD chuyên khoa dinh dưỡng	4	2	1	0	7
55	Kỹ thuật viên CDHA	4	8	3	1	16
56	Kỹ thuật viên châm cứu	1	0	0	0	1
57	ĐD sử dụng máy thở	3	0	0	0	3
58	Kỹ thuật viên XQ	2	0	0	0	2
59	Kỹ thuật viên điện tim	4	1	0	0	5
60	KTV - ĐD Đo chức năng hô hấp	1	0	0	0	1
61	KTV nội soi Tai mũi họng	3	3	0	0	6
62	KTV phụ phẫu thuật nội soi	3	3	1	1	8
63	KTV phụ nội soi tiêu hóa	6	2	2	1	11
64	Kỹ thuật viên chụp CLVT	2	0	1	1	4
65	Kỹ thuật viên phụ điện não, Lưu huyết não	6	4	1	1	12
66	Kỹ thuật viên GMHS	2	1	0	0	3
67	Kỹ thuật viên Nha	1	1	0	0	2
68	Kỹ thuật viên đưa dụng cụ	5	5	0	0	10
69	KTV phụ can thiệp mạch	0	2	2	0	4
70	KTV phụ Lăn kim điều trị tế bào gốc	1	1	0	0	2
71	KTV phụ Ứng dụng laser	8	3	3	2	16
72	KTV phụ phẫu thuật nội soi Robot	1	1	0	0	2
73	KTV phụ điều trị TB gốc CN Ung thư	2	2	0	0	4
74	KTV phụ điều trị TB gốc CN Huyết học	1	1	0	0	2
	Tổng: 87 lĩnh vực	305	202	82	41	630

TỔNG HỢP ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO, NHU CẦU ĐÀO TẠO

Phụ lục 2

TT	Lĩnh vực đào tạo	Cơ sở đào tạo	Thời gian đào tạo (tháng)	Số lượng cán bộ đào tạo				Tổng
				Năm				
				2017	2018	2019	2020	
	Đào tạo toàn tỉnh			305	202	82	41	630
	I. Đào tạo trong tỉnh			168	124	47	24	363
1	Bệnh viện Mắt		6	2	1	0	0	3
	1.1. Đối tượng bác sỹ							
1	Phẫu thuật mô Phaco	BV Mắt	3	1	1	0	0	2
2	Siêu âm A-B mắt	BV Mắt	3	1	0	0	0	1
2	Bệnh viện Phổi			2	0	0	0	2
	2.1. Đối tượng bác sỹ			1	0	0	0	1
1	Thăm dò chức năng hô hấp	BV Phổi	3	1	0	0	0	1
	1.2. Đối tượng DD, YS, KTV			1	0	0	0	1
2	KTV - ĐD Đo chức năng HH	BV Phổi TH	3	1	0	0	0	1
3	Bệnh viện Phụ sản			4	10	1	0	15
	3.1. Đối tượng bác sỹ							
1	Soi cổ tử cung	BV Phụ sản	3	1	7	1	0	9
2	Phẫu thuật Sản phụ khoa	BV Phụ sản	3	3	3	0	0	6
4	Bệnh viện Tâm thần			18	10	3	1	32
	4.1. Đối tượng bác sỹ			12	6	2	0	20
1	Điện Não-Lưu huyết não	BV Tâm thần	3	12	6	2	0	20
	4.2. Đối tượng DD, YS, KTV			6	4	1	1	12
2	Kỹ thuật viên phụ ĐN-LHN	BV Tâm thần	3	6	4	1	1	12
5	Bệnh viện Đa khoa tỉnh			141	103	43	23	310
	5.1. Đối tượng bác sỹ			63	44	15	9	131
1	Chuyên khoa xét nghiệm	BVĐK tỉnh	3	21	7	3	3	34
2	Phẫu thuật Nội soi	BVĐK tỉnh	3	12	14	3	1	30
3	Nội soi tiêu hóa	BVĐK tỉnh	3	6	4	1	1	12
4	Điện tim	BVĐK tỉnh	3	9	8	3	2	22
5	SA tổng quát-SA tim	BVĐK tỉnh	3	4	2	1	0	7
6	Nội soi Tai mũi họng	BVĐK tỉnh	3	3	3	0	0	6
7	CK chạy thận nhân tạo	BVĐK tỉnh	3	3	4	2	1	10
8	Chụp và đọc kết quả MRI	BVĐK tỉnh	3	1	1	0	0	2
9	Chụp và đọc KQ CLVT	BVĐK tỉnh	3	2	1	2	1	6
10	Sử dụng máy thở	BVĐK tỉnh	3	1	0	0	0	1
11	Đo điện cơ	BVĐK tỉnh	3	1	0	0	0	1
	5.2. Đối tượng DD, YS, KTV			78	59	28	14	179
12	Kỹ thuật viên xét nghiệm	BVĐK tỉnh	3	11	9	7	1	28
13	Kỹ thuật viên bó bột	BVĐK tỉnh	3	1	2	0	0	3
14	ĐD viên chạy thận nhân tạo	BVĐK tỉnh	3	8	6	3	0	17
15	Kỹ thuật viên PHCN	BVĐK tỉnh	3	23	16	9	9	57
16	Kỹ thuật viên CĐHA	BVĐK tỉnh	3	4	8	3	1	16
17	ĐD sử dụng máy thở	BVĐK tỉnh	3	3	0	0	0	3
18	Kỹ thuật viên XQ	BVĐK tỉnh	3	2	0	0	0	2
19	Kỹ thuật viên điện tim	BVĐK tỉnh	3	4	1	0	0	5
20	KTV nội soi Tai mũi họng	BVĐK tỉnh	3	3	3	0	0	6
21	KTV phụ phẫu thuật nội soi	BVĐK tỉnh	3	3	3	1	1	8
22	KTV phụ nội soi tiêu hóa	BVĐK tỉnh	3	6	2	2	1	11
23	Kỹ thuật viên chụp CLVT	BVĐK tỉnh	3	2	0	1	1	4
24	Kỹ thuật viên GMHS	BVĐK tỉnh	3	2	1	0	0	3
25	Kỹ thuật viên Nha	BVĐK tỉnh	3	1	1	0	0	2
26	Kỹ thuật viên đưa dụng cụ	BVĐK tỉnh	3	5	5	0	0	10
27	KTV phụ can thiệp mạch	BVĐK tỉnh	3	0	2	2	0	4



6	Bệnh viện YDCT				0	0	0	1
	6.1. Đối tượng DD, YS, KTV				0	0	0	1
1	Kỹ thuật viên châm cứu	BV YHDCT			0	0	0	1
	II. Đào tạo ngoài tỉnh			137	78	35	17	267
1	Bệnh viện Bạch Mai				2	0	0	6
	1.1.. Đối tượng bác sỹ			4	2	0	0	6
1	Can thiệp mạch	BV Bạch Mai	3	2	1	0	0	3
2	Điều trị tiêu sợi huyết	BV Bạch Mai	2	1	1	0	0	2
3	Kỹ thuật tiêm nội khớp	BV Bạch Mai	2	1	0	0	0	1
2	Bệnh viện Việt Đức			8	5	0	0	13
	2.1.. Đối tượng bác sỹ			7	4	0	0	11
1	Phẫu thuật Sọ não	BV Việt Đức	3	2	1	0	0	3
2	Tán sỏi ngoài cơ thể	BV Việt Đức	3	1	0	0	0	1
3	PT NSoi Dây chằng khớp gối	BV Việt Đức	2	2	1	0	0	3
4	Phẫu thuật Nội soi Robot	BV Việt Đức	3	2	2	0	0	4
	2.2. Đối tượng DD, YS, KTV			1	1	0	0	2
5	KTV phụ PT nội soi Robot	BV Việt Đức	3	1	1	0	0	2
3	Đại học Y Hà Nội			111	64	29	13	217
	3.1.. Đối tượng bác sỹ			104	59	28	13	204
1	Phục hồi chức năng-VLTL	ĐH Y Hà Nội	6	18	10	5	1	34
2	Chuyên khoa Nội tiết, ĐTĐ	ĐH Y Hà Nội	6	4	1	1	1	7
3	Chuyên khoa XQ	ĐH Y Hà Nội	6	2	1	0	0	3
4	Chuyên khoa CĐHA	ĐH Y Hà Nội	9	15	12	2	3	32
5	Chuyên khoa GMHS	ĐH Y Hà Nội	11	5	5	1	3	14
6	Chuyên khoa Mắt	ĐH Y Hà Nội	8	8	3	4	0	15
7	Chuyên khoa HSCC	ĐH Y Hà Nội	6	5	0	1	0	6
8	Chuyên khoa Tai mũi họng	ĐH Y Hà Nội	9	6	2	2	2	12
9	Chuyên khoa Răng hàm mặt	ĐH Y Hà Nội	9	4	3	1	0	8
10	Chuyên khoa YHCT	ĐH Y Hà Nội	10	3	0	0	0	3
11	Chuyên khoa Sản	ĐH Y Hà Nội	12	7	4	1	0	12
12	Chuyên khoa Da liễu	ĐH Y Hà Nội	9	2	2	1	0	5
13	Chuyên khoa Ngoại CT CH	ĐH Y Hà Nội	6	6	4	2	0	12
14	Chuyên khoa Tâm thần	ĐH Y Hà Nội	6	2	2	0	0	4
15	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	ĐH Y Hà Nội	6	2	2	4	0	8
16	Chuyên khoa Nhi	ĐH Y Hà Nội	6	3	2	2	1	8
17	CK tiết chế dinh dưỡng	ĐH Y Hà Nội	6	4	1	0	0	5
18	Chuyên khoa truyền nhiễm	ĐH Y Hà Nội	9	3	1	1	2	7
19	CK Sản phụ khoa KHHGD	ĐH Y Hà Nội	12	1	0	0	0	1
20	TB gốc CN Ung thư	ĐH Y Hà Nội	3	2	2	0	0	4
21	TB gốc CN Huyết học	ĐH Y Hà Nội	3	2	2	0	0	4
	3.2. Đối tượng DD, YS, KTV			7	5	1	0	13
22	ĐD chuyên khoa dinh dưỡng	ĐH Y Hà Nội	3	4	2	1	0	7
23	KTV phụ ĐT TB gốc CN K	ĐH Y Hà Nội	3	2	2	0	0	4
24	KTV phụ ĐTTB gốc CN Huyết H	ĐH Y Hà Nội	3	1	1	0	0	2
4	BV Da liễu TW			14	7	6	4	31
	4.1.. Đối tượng bác sỹ			5	3	3	2	13
1	GPB Chuyên ngành Da liễu	BV Da liễu TW	3	2	0	0	0	2
2	Lăn kim điều trị TB gốc	BV Da liễu TW	3	1	1	0	0	2
3	Chụp phân tích da	BV Da liễu TW	3	2	2	2	2	8
4	Phẫu thuật Mout	BV Da liễu TW	3	0	0	1	0	1
	4.2. Đối tượng DD, YS, KTV			9	4	3	2	18
5	KTV phụ Lăn kim ĐT tế bào gốc	BV Da liễu TW	3	1	1	0	0	2
6	KTV phụ Ứng dụng laser	BV Da liễu TW	3	8	3	3	2	16

* Kinh phí dự kiến : Theo thông báo tuyển sinh các khóa đào tạo, cấp chứng chỉ của các cơ sở đào tạo trong tỉnh đã được cấp mã số đào tạo; và Trung tâm đào tạo theo nhu cầu xã hội của Trường đại học Y khoa Hà Nội.